

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 56/2021/DS-ST

Ngày: 28/9/ 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản” .

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thông

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thành Nghĩa và bà Trần Thị Minh Tâm

Thư ký phiên tòa: Cô Lê Thị Thanh Trúc - là Thư ký Tòa án.

Đại diện VKS nhân dân huyện Tuy Phước, Bình Định: Ông Nguyễn Văn Quang ,
KSV.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 18 / 2021 /TLST- DS, ngày 29 tháng 3 năm 2021, Về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 995/2021/QĐXXST – DS ngày 19 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 1041/2021/QĐST – DS ngày 3 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T , sinh 1967 (có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh 1975 (vắng mặt).

Ông Phạm Đình D, sinh 1975(có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

Bà Trần Thị H , sinh 1967(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Đồng địa chỉ : Thôn H, Xã P, huyện T, Tỉnh BĐ

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 2 tháng 3 năm 2021 , tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H thống nhất trình bày: Xuất phát từ sự quen biết là người cùng thôn , nên vào ngày 26/7/2019 vợ chồng ông D , bà L có mượn vợ chồng ông T, bà H số tiền là 150.000.000đ, khi mượn ông D có viết “ Giấy vay tiền” , cả hai vợ chồng ông D, bà L và ông T đều ký ; trong quá trình mượn vợ chồng ông D và bà L đã trả được 140.000.000đ , còn nợ 10.000.000đ nhưng ông D không trả , trước đây ông T có khởi kiện tại tòa án nhưng ông D và hen trả mà không trả, từ khi đó đến nay ông T đòi nợ nhưng ông D và bà L không trả .

Nay vợ chồng ông T, bà H yêu cầu vợ chồng ông D và bà L trả nợ 10.000.000đ ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Đình D, bị đơn bà Lê Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai thống nhất trình bày :

Ông D và bà L là vợ chồng công nhận xuất phát từ sự quen biết là người cùng thôn , nên vào ngày 26/7/2019 vợ chồng ông D , bà L có vay vợ chồng ông T, bà H số tiền là 150.000.000đ gốc , khi vay ông D là người viết giấy tay “ Giấy vay tiền” và hai bên cùng ký , trong quá trình vay vợ chồng ông D và bà L đã trả được 140.000.000đ gốc, công nhận còn nợ vợ chồng ông T, bà H là 10.000.000đ gốc nhưng không trả vì:

Xuất phát từ năm 2016, 2017 ông D , bà L có vay của ông T 150.000.000đ gốc, lãi xuất 3%/tháng, ông D vẫn trả đều cho T.

Vào thời điểm dịch COVI-19, xe không hoạt động được thì ông T đòi gốc 150.000.000đ nhưng ông D chỉ trả được 140.000.000đ tiền gốc, chỉ còn nợ 10.000.000đ thì ông T khóa xích xe ô tô ông D lại nên ông D không thực hiện chở khách cho Công ty Du lịch được (chạy 30 ngày , giá 50.000.000đ) nên phải hủy hợp đồng với công ty du lịch và phải bồi thường cho công ty du lịch 20% giá trị hợp đồng.

Vào tháng 12/2020 khi ông D có qua nhà ông T để trả cho ông T 40.000.000đ thì ông T hứa sẽ cho ông D 10.000.000đ để bù vào chuyện ông T khóa xích xe ô tô. Sau đó ông D chưa trả 10.000.000đ thì ông T cho gang hồ đập phá nhà ông D.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đơn khởi kiện đến tại phiên Tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn Phạm Đình D chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn Lê Thị Mỹ L là vợ ông D không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh BĐ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” có bị đơn ông Phạm Đình D , bị đơn bà Lê Thị Mỹ L cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh BĐ theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối đến Tòa nên xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Phạm Đình D ,bà Lê Thị Mỹ L phải trả nợ 10.000.000đ được tòa chấp nhận Vì : Các đương sự đều công nhận xuất từ sự quen biết là người cùng thôn , nên vào ngày 26/7/2019 vợ chồng ông D , bà L có mượn vợ chồng ông T, bà H số tiền là 150.000.000đ, khi mượn ông D có viết “ Giấy vay tiền” , cả hai vợ chồng ông D, bà L và ông T đều ký ; trong quá trình mượn vợ chồng ông D và bà L công nhận đã trả được 140.000.000đ , công nhận còn nợ 10.000.000đ .

Về nghĩa vụ trả nợ tuy bà Lê Thị Mỹ L là vợ ông D vắng mặt tại phiên tòa nhưng vẫn phải có nghĩa vụ cùng chồng trả nợ cho vợ chồng ông T, bà H.

Vậy nay vợ chồng ông T, bà H yêu cầu trả nợ 10.000.000đ thì vợ chồng ông D, bà L phải trả.

*Xét lời lại của ông D tại tòa về việc vào thời điểm dịch COVI-19, xe không hoạt động được thì ông T đòi nợ , khi ông D không có tiền trả thì ông T siết xe , khóa xích xe ô tô ông D lại nên ông D không thực hiện chở khách cho Công ty Du lịch được và gây thiệt hại nhưng ông D không có yêu cầu phản tố và nộp tạm ứng án phí nên tòa sẽ thụ lý bằng vụ kiện khác khi ông D khởi kiện .

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Phạm Đình D ,bà Lê Thị Mỹ L phải nộp 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 300. 000đ tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001044 ngày 26/3 /2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Buộc vợ chồng ông Phạm Đình D , bà Lê Thị Mỹ L phải trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T , bà Trần Thị H số tiền gốc 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hành tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Phạm Đình D ,bà Lê Thị Mỹ L phải nộp 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 300. 000đ tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001044 ngày 26/3 /2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

Các Đương sự
VKSND, THÁ huyện TP
Lưu hồ sơ vụ án

T M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TP- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thông